

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2019/HC-PT

Ngày 26-9-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về thu hồi đất cho Công ty
Cổ phần ĐH thuê*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn.

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 313//2019/TLPT-HC ngày 06 tháng 06 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất cho Công ty Cổ phần ĐH thuê*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1671/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trần Thanh Tr (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3 đường ND, khóm 1, Phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh Tr: Ông Trần Văn B (có mặt).

Địa chỉ: Số 118 Quốc lộ 1A, ấp ĐS, xã TQ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr: Luật sư Trương Hoài Ph - Văn phòng Luật sư Hoài Phúc – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 42 ĐBP, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trương Thị Thu C (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 99/1 đường TQT, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị Kim R (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3 đường ND, khóm 1, Phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C và bà R: Ông Trần Thanh Tr (theo văn bản ủy quyền ngày 07/03/2016 - vắng mặt).

4. Ông Trần Ngọc Ch (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Trần Ngọc Ch:

4.1 Ông Trần Văn H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 251, đường MĐC, khóm 1, Phường 4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4.2 Bà Phạm Thị Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, đường ND, khóm 1, Phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4.3 Ông Trần Bá H1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, đường ND, khóm 1, phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4.4 Bà Trần Ngọc Bảo H2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, đường ND, khóm 1, phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4.5 Bà Trần Ngọc Bảo H3 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, đường ND, khóm 1, phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4.6 Ông Trần Ngọc Th (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, đường ND, khóm 1, phường 9, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 01 CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Văn H4, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Nguyễn Hùng A, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 18 đường HV, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần TĐS (Vắng mặt).

Địa chỉ: B23/63, Ấp 2, đường HPT, xã BC, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng A, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 18 đường HV, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Lê Hồng M, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng (nguyên Trưởng Đoàn kiểm tra theo quyết định số 152/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng).

Địa chỉ: Số 21 đường THĐ, Phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh L (có mặt).

Địa chỉ: Số 21 đường THĐ, Phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4. Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh L (có mặt).

Địa chỉ: Số 21 đường THĐ, Phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

5. Chủ tịch UBND thị xã VC.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Ngọc Th1, Phó Chủ tịch uỷ ban nhân dân thị xã VC (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 30/4, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn T, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã VC (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 30/4, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

6. Công ty cổ phần Thủy sản VU.

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà L, Số 22 đường LTT, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T1 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà L, Số 22 đường LTT, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền 03/4/2018).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, ông Trần Thanh Tr, bà Trương Thị Thu C, bà Trần Thị Kim R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Trần Thanh Tr, bà Trương Thị Thu C, bà Trần Thị Kim R, ông Trần Ngọc Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Ch thống nhất trình bày:

Công ty Cổ phần ĐH (Công ty ĐH), gồm 06 cổ đông là ông Trần Thanh Tr, ông Trần Ngọc Ch (cổ đông sáng lập) và 04 cổ đông góp vốn là: Công ty Cổ phần

TĐS (Công ty TĐS), ông Huỳnh Công Tr1, bà Trương Thị Thu C và bà Trần Thị Kim R. Công ty đăng ký lần đầu ngày 22/05/2002 và lần 3 ngày 08/12/2003; Địa chỉ trụ sở chính tại số 602 đường MĐC, Phường 4, thị xã ST.

Ngày 24/7/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 930/QĐ.HC.02 về việc Phê duyệt phương án đền bù, tái định cư để thu hồi 93,54ha đất thuộc khu vực Nông trường D (cũ), xã VH, huyện VC (nay là thị xã VC), tỉnh Sóc Trăng. Cùng ngày 24/7/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 931/QĐ.HC.02 về việc thu hồi 93,54ha đất thuộc Nông trường D (đã giải thể) và cho Công ty ĐH thuê đất thực hiện dự án đầu tư nuôi tôm công nghiệp. Ngày 26/8/2002, Công ty ĐH tiến hành chi trả tiền đền bù cho hộ dân bị ảnh hưởng, với số tiền bồi hoàn là 520.255.519 đồng. Ngày 01/10/2002, Công ty ĐH tiếp tục chi trả thêm cho các hộ dân ngăn cản không cho xe cuốc đào ao, với số tiền là 286.819.215 đồng. Ngày 25/9/2002, Công ty ĐH được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số: 59/CN-UĐĐT.02, miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất. Ngày 10/12/2002, Công ty ĐH và Sở Địa chính tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) ký hợp đồng thuê đất số: 130/HĐ/TĐ, với nội dung chính là: Công ty ĐH được thuê diện tích 925.400m², thuộc thửa số 1 và 2, tờ bản đồ số 03, tại ấp HK, xã VH, huyện VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian thuê đất là 20 năm, kể từ ngày 01/8/2002 (Sau đó ngày 13/3/2003 viết tay điều chỉnh lại là 49 năm, kể từ ngày 01/8/2002, có Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Sóc Trăng ký tên và đóng dấu); giá thuê đất là: 120.000 đồng/ha/năm, tính từ ngày 01/08/2002 và phương thức nộp tiền thuê đất là hàng năm. Ngày 19/12/2002, Công ty ĐH được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ: 0004/QSĐĐ), với diện tích 925.400m², thuộc thửa số 1, 2, tờ bản đồ số 03, tại ấp HK, xã VH, huyện VC, tỉnh Sóc Trăng, đất thuê 20 năm (sau đó, ngày 13/3/2003 điều chỉnh lại là 49 năm); mục đích sử dụng: Nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2003 đến 2006, Công ty ĐH tiến hành đầu tư nuôi tôm công nghiệp tại 58 ao (5.000m²/ao) nhưng thực tế từ năm 2007, chỉ khai thác sử dụng được 24 ao, số còn lại không khai thác, sử dụng được do UBND huyện VC không cấp đất tái định cư nên một số hộ dân vào ngăn cản và chiếm lại những ao trên phần đất cũ của họ.

Ngày 18/12/2012, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số: 224/QĐ/UBND về việc điều chỉnh diện tích đất đã cho Công ty ĐH thuê tại ấp HK, xã VH, thị xã VC, với nội dung: Điều chỉnh diện tích đất đã cho Công ty Cổ phần ĐH thuê..., cụ thể như sau: Diện tích được UBND tỉnh Sóc Trăng cho thuê theo Quyết định số 931/QĐ.HC.02 ngày 24/7/2002: 93,54 ha (935.400m²). Diện tích đất điều chỉnh: 698.589,9m² (giảm 236.810,1m² đất theo sơ đồ vị trí đất đính kèm). Lý do: Nhà nước chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để bàn giao đất sạch cho Công ty ĐH; doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc khai thác, sử dụng 236.810,1m² đất nêu trên và đồng ý trả lại đất cho Nhà nước.

Ngày 04/7/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với 362 doanh nghiệp có tên trong danh sách đính

kèm, trong đó có Công ty ĐH (số thứ tự 345), với lý do: Vi phạm Luật Doanh nghiệp năm 2005, bị đóng mã số thuế vĩnh viễn và không giải trình theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, doanh nghiệp phải tiến hành giải thể theo quy định của pháp luật. Ngày 14/02/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng ban hành Thông báo số 224 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty ĐH, với lý do: Vi phạm Luật Doanh nghiệp năm 2005 và không thực hiện giải thể theo quy định. Ngày 27/5/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số: 1180/QĐ-UBND về việc thu hồi 698.589,9m² đất đã cho Công ty ĐH thuê (kèm theo sơ đồ vị trí đất), với lý do: Công ty Cổ phần ĐH giải thể, thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013. Cùng ngày 27/5/2015, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Công văn số 610/UBND-KT ngày 27/5/2015 về việc xử lý chi phí đầu tư vào đất còn lại của Công ty ĐH, với nội dung: Chấp thuận việc xử lý chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với 698.589,9m² đất thu hồi của Công ty ĐH (đã giải thể) theo phương án nhà đầu tư được UBND tỉnh cho thuê khu đất nêu trên sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí đầu tư vào đất còn lại cho Công ty Cổ phần ĐH (đã giải thể). Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư để cho thuê khu đất nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối trung gian trong việc thỏa thuận, hoàn trả chi phí đầu tư vào đất còn lại giữa nhà đầu tư được cho thuê đất và ông Trần Thanh Tr (người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần ĐH trước khi giải thể). Trường hợp nhà đầu tư được thuê đất và ông Trần Thanh Tr không tự thỏa thuận được, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND tỉnh thành lập Hội đồng định giá để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Nay người khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng,
- Hủy Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng,
- Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo cho UBND thị xã VC cấp đất tái định cư cho 20 hộ dân (trong số 54 hộ dân), chưa nhận được đất tái định cư, theo tinh thần 02 quyết định số: 930 và 931/QĐ/HC.02, cùng ngày 24/7/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng để giao đất sạch cho Công ty ĐH tiếp tục thực hiện dự án nuôi tôm công nghiệp,
- Hủy quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng,
- Hủy một phần Công văn số 1109/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,
- Hủy Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh,
- Hủy Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh,

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã VC phải hoàn trả 109.245.192,77 đồng là số tiền mà ông Trần Văn B1 nhận tiền của Công ty để hỗ trợ bồi hoàn cho 03 hộ dân theo chỉ đạo của UBND thị xã VC.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày: Năm 2002, căn cứ nhu cầu xin thuê đất để thực hiện dự án đầu tư nuôi tôm công nghiệp của Công ty ĐH, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 931/QĐ.HC.02 cho Công ty ĐH thuê diện tích 93,54ha (935.400m²) đất tọa lạc tại ấp HK, xã VH, huyện VC để thực hiện dự án. Đến năm 2012, qua xác minh thực tế thì một số hộ dân không giao mặt bằng và Công ty ĐH chưa đầu tư sử dụng toàn bộ phần diện tích đất được cho thuê. Do đó, để Công ty tập trung đầu tư phần đất còn lại tốt hơn và được sự thống nhất của Công ty, UBND tỉnh quyết định số 224/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích đất thuê còn 698.589,9m². Năm 2014, Công ty ĐH bị giải thể theo Thông báo số 224 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng nên UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1180/QĐ-UBND thu hồi diện tích 689.589,9m² đất đã cho Công ty ĐH thuê. Việc thu hồi đất của Công ty ĐH là đúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013. Do diện tích 236.810,1m² bị thu hồi do UBND thị xã VC quản lý nên Quyết định số 1207/QĐ-UBND không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện. Do vậy, UBND tỉnh Sóc Trăng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty TĐS trình bày: Năm 2002, Công ty TĐS góp vốn vào Công ty ĐH số tiền 4,5 tỷ đồng và cho Công ty ĐH vay 3.134.605.799 đồng. Do hoạt động không hiệu quả nên Công ty TĐS yêu cầu rút vốn và đòi lại tiền vay. Công ty ĐH đồng ý giao 21ha diện tích ao nuôi và 14ha đất chưa làm ao nuôi để Công ty tự khai thác và đầu tư để trừ số vốn góp và vay. Tuy nhiên do UBND tỉnh Sóc Trăng không đồng ý nên Công ty TĐS yêu cầu Công ty ĐH trả tiền và các bên đã thống nhất thỏa thuận Công ty ĐH trả tổng số tiền 5.125.000.000 đồng (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2013/QĐST-KDTM ngày 18/02/2013 của Tòa án nhân dân thành phố ST, nhưng đến nay Công ty ĐH vẫn chưa trả hết nợ. Đề nghị, Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án xem xét đến quyền lợi của Công ty TĐS theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng trình bày: Thực hiện Quyết định số 1180/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thu hồi diện tích 689.589,9m² đất đã cho Công ty ĐH thuê, ngày 29/8/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng có Công văn số 1109/STNMT-CCQLĐĐ đề nghị các đơn vị bị thu hồi đất (trong đó có Công ty ĐH) gửi bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh là phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện.

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng trình bày:

Công ty ĐH đăng ký lần đầu ngày 22/5/2002, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08/12/2003. Ngày 25/01/2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 80/CT-KK của Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị xem xét xóa tên 830 doanh nghiệp (do không hoạt động tại trụ sở và bị đóng mã số thuế trạng thái 01), trong đó có Công ty ĐH do công ty không còn hoạt động kinh doanh tại địa điểm đã đăng ký với cơ quan thuế. Ngày 04/3/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh – đã thông báo về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của 830 doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng (www.soctrang.gov.vn), Cổng Thông tin điện tử Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng www.soctrangsmc.vn và Báo Sóc Trăng (trên các kỳ báo từ ngày 04/3/2013 đến ngày 22/3/2013, nội dung như sau: Đề nghị các doanh nghiệp làm thủ tục giải thể theo quy định; nếu có khiếu nại hoặc giải trình đề nghị liên hệ Phòng Đăng ký kinh doanh để được giải quyết đến hết ngày 31/3/2018. Quá thời hạn nêu trên, nếu doanh nghiệp không liên hệ, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 102 Luật Quản lý Thuế. Tuy nhiên, hết hạn thông báo nêu trên, Công ty ĐH vẫn không liên hệ Phòng Đăng ký kinh doanh để thực hiện thủ tục giải thể hoặc khiếu nại, giải trình.

Ngày 19/6/2012, Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được Báo cáo của Đoàn kiểm tra dự án đầu tư nuôi tôm công nghiệp của Công ty ĐH (được thành lập theo Quyết định số 152/QĐTC-CTUBND ngày 11/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, theo đó đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty ĐH. Lý do: Công ty ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và không báo cáo hoạt động kinh doanh (không nộp báo cáo tài chính hàng năm) của doanh nghiệp trong mười hai tháng liên tục. Công ty đã vi phạm điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2004.

Do Công ty ĐH thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (vi phạm điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp), bị đóng mã số thuế trạng thái 01 và Cục Thuế tỉnh đã yêu cầu xóa tên doanh nghiệp, doanh nghiệp không liên hệ Phòng Đăng ký kinh doanh để tiến hành thủ tục giải thể hoặc khiếu nại, giải trình theo thông báo của Phòng đăng ký kinh doanh nên ngày 04/7/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh đã ra Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của 362 doanh nghiệp (trong đó có Công ty Cổ phần ĐH) và yêu cầu doanh nghiệp tiến hành thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng. Sau thời hạn 06 tháng nhưng Công ty ĐH không liên hệ Phòng Đăng ký kinh doanh để thực hiện thủ tục giải thể. Do vậy, ngày 14/02/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo số 224 về việc doanh nghiệp giải thể (xóa tên Công ty ĐH) theo quy định tại khoản 6 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 7 Điều 60 Nghị quyết số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty ĐH là đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Phòng đăng ký kinh doanh không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD và Thông báo số 224 của người khởi kiện.

Ủy ban nhân dân thị xã VC có văn bản trình bày:

Diện tích 418ha tọa lạc ấp VT A, xã VH, thị xã VC có nguồn gốc là đất rừng và bãi bồi do UBND thị xã VC quản lý, sử dụng. Ngày 10/4/1986, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) thành lập Nông trường D thuộc UBND huyện VC (nay là thị xã VC) quản lý, sử dụng. Ngày 09/02/1993, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 51/QĐ.TCCB.93, giải thể Nông trường D, trong đó có nội dung giao Chủ tịch UBND huyện VC quản lý diện tích đất Nông trường và xin ý kiến UBND tỉnh về việc giao quyền sử dụng diện tích đất nói trên. Ngày 24/7/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 930/QĐ.HC.02, phê duyệt phương án đền bù, tái định cư để thu hồi 93,54ha đất thuộc Nông trường D (cũ) xã VH bị ảnh hưởng 54 hộ; UBND thị xã VC chịu trách nhiệm cấp đất cho 44 hộ có yêu cầu bố trí tái định cư với tổng diện tích là 43,4ha tại khu vực rạch ông B, ấp VT A, xã VH, huyện VC khi được UBND tỉnh giao lại diện tích 418ha đất thuộc Nông trường D (cũ) quản lý. Ngày 24/7/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 930/QĐ.HC.02 về việc phê duyệt phương án đền bù, tái định cư để thu hồi 93,54ha đất thuộc Nông trường D (cũ) xã VH bị ảnh hưởng 54 hộ; UBND thị xã VC chịu trách nhiệm cấp đất cho 44 hộ có yêu cầu bố trí tái định cư với tổng diện tích là 43,25ha tại khu vực rạch ông B, ấp VT A, xã VH, huyện VC khi được UBND tỉnh giao lại diện tích 418ha đất thuộc Nông trường D (cũ) về huyện trực tiếp quản lý. Ngày 24/7/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 931/QĐ.HC.02 thu hồi 93,54ha đất thuộc Nông trường D (cũ) hiện do 54 hộ dân nhận khoán và tự chiếm sản xuất và cho Công ty ĐH thuê đất thực hiện dự án đầu tư.

Năm 2003, UBND huyện VC ban hành quyết định thu hồi đất của 17 hộ dân bao chiếm đất trái phép với diện tích 85,08ha, để thực hiện cấp đất tái định cư cho 44 hộ. Trên cơ sở Quyết định thu hồi đất, UBND huyện VC cấp đất sản xuất, tái định cư lại cho 43/44 hộ (trong đó có 32/44 hộ đã được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong thời gian từ năm 1993 đến 2002, Nông trường D giải thể giao lại UBND huyện VC quản lý, nhưng lúc bấy giờ do quản lý đất lỏng lẻo nên dân vào tự ý bao chiếm trên phần đất do nhà nước quản lý mà việc xử lý, ngăn chặn chưa dứt điểm.

Riêng việc ông Nguyễn Văn B1 nhận số tiền 39.826.995 đồng từ Công ty ĐH để hỗ trợ cho 03 hộ dân. Hiện nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường không có tài liệu, chứng từ liên quan đến sự việc trên (do đã trải qua thời gian dài, trước đây do công ty trực tiếp chi trả với hộ dân). Do đó, việc công ty yêu cầu hoàn trả số tiền 109.245.192,77 đồng là không có cơ sở.

Ông Lê Hồng M trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ông M đã thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng trong

quá trình kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 32; Điều g Khoản 1 Điều 143; Điều a Khoản 2 Điều 193; Điều 194 và Khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là các ông, bà Trần Thanh Tr, Trương Thị Thu C, Trần Thị Kim R và ông Trần Ngọc Ch đối với yêu cầu hủy Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh diện tích đất đã cho Công ty Cổ phần ĐH thuê tại ấp HK, xã VH, thị xã VC.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là các ông, bà Trần Thanh Tr, Trương Thị Thu C và Trần Thị Kim R đối với các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thu hồi 236.810,1m² đất do UBND thị xã VC quản lý và cho Công ty cổ phần Thủy sản VU thuê để thực hiện dự án Khu sản xuất tôm giống biển;

- Hủy 01 phần Công văn số 1109/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc thu hồi và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Hủy Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Hủy Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp giải thể;

3. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã VC phải hoàn trả số tiền mà ông Trần Văn B nhận tiền trực tiếp của Công ty để hỗ trợ bồi hoàn cho 03 hộ dân theo chỉ đạo của UBND thị xã VC vì không thực hiện mà chiếm dụng, số tiền này phải được tính giá trị đồng tiền lạm phát (%) theo thời gian kể từ năm 2005 là 39.826.995 đồng đến năm 2016, số tiền phải trả là 109.245.192,77 đồng do người khởi kiện rút lại yêu cầu này.

Những người khởi kiện có quyền khởi kiện lại yêu cầu bồi thường số tiền 109.245.192,77 nêu trên thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là các ông, bà Trần Thanh Tr, Trần Ngọc Ch, Trương Thị Thu C và Trần Thị Kim R về việc hủy Quyết định số: 1180/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND Tỉnh Sóc Trăng về việc thu hồi 698.589,9m² đất đã cho Công ty Cổ phần ĐH thuê và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân thị xã VC cấp đất tái định cư cho 20 hộ dân (trong số 54 hộ dân), chưa nhận được đất tái định cư, theo tinh thần 02 quyết định số: 930/QĐ.HC.02 và số 931/QĐ.HC.02 cùng ngày

24/7/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng để giao đất sạch cho Công ty Cổ phần ĐH tiếp tục thực hiện dự án nuôi tôm công nghiệp, trường hợp UBND tỉnh Sóc Trăng cần thiết thu hồi đất để giao cho đối tác khác thuê đất thì phải bồi thường thỏa đáng cho Công ty ĐH theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 và 25/12/2018, người khởi kiện, ông Trần Thanh Tr, bà Trương Thị Thu C, bà Trần Kim R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông Tr giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Quyết định 1180/QĐ-UBND căn cứ vào Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Quyết định 196 ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh. Thực tế Công ty ĐH vẫn còn hoạt động và không nhận được Quyết định 196 ngày 04/7/2013 và Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 nên không thể thực hiện được quyền khiếu nại hoặc tiến hành các thủ tục giải thể công ty (nếu có). Trường hợp phải thu hồi đất thì giữa Công ty với Sở Tài nguyên và Môi trường phải tiến hành thủ tục thanh lý và giải quyết tài sản đang tồn tại trên đất do Công ty đã đầu tư, được Đoàn kiểm tra do UBND tỉnh Sóc Trăng xác nhận. Bản án sơ thẩm cho rằng công ty khởi kiện Quyết định 196 ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh, Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh và một số quyết định khác là hết thời hiệu khởi kiện là không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của công ty. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Đại diện Phòng Đăng ký kinh doanh trình bày: Sau khi ban hành Quyết định 196 và Thông báo số 224 thì Phòng Đăng ký kinh doanh đã gửi cho Công ty ĐH qua đường bưu điện nhưng không biết công ty có nhận được hay không. Trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định 196 và Thông báo số 224 là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐH.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Tr Trình bày: Công ty ĐH được thuê đất hợp pháp. Quyết định 1180/QĐ-UBND được ban hành dựa trên Quyết định 196 ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh và Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh nhưng công ty không nhận được các văn bản nêu trên nên không thể tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thuê với nhà nước, không thể giải quyết đối với tài sản do công ty đã đầu tư. Đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định bị khiếu kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của UBND tỉnh Sóc Trăng trình bày: Công ty ĐH đã bị giải thể nên Quyết định 1180/QĐ-UBND có nội dung thu hồi diện tích đất đã cho công ty thuê là đúng pháp luật. Vì vậy, UBND tỉnh Sóc Trăng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định 196 ngày 04/7/2013 của Trưởng

Phòng Đăng ký kinh doanh và Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh hết thời hiệu khởi kiện là đúng; Quyết định 1207/QĐ-UBND không ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty; Việc giao đất cho Công ty VU đúng pháp luật; Công văn số 1109/STNMT-CCQLĐĐ đúng pháp luật; Quyết định 1180/QĐ-UBND đúng pháp luật về nội dung và hình thức nên hợp pháp; Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty ĐH rút yêu cầu buộc UBND thị xã VC phải hoàn trả 109.245.192,77 đồng. Vì vậy, kháng cáo của ông Tr là không có căn cứ. Đề nghị, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 úc, bà R kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 27/5/2015, Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/12/2012, Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Hủy một phần Công văn số 1109/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng; Hủy Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD ngày 04/7/2013 của Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh, Thông báo số 224 ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh. Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo cho UBND thị xã VC cấp đất tái định cư cho 20 hộ dân (trong số 54 hộ dân), chưa nhận được đất tái định cư. Buộc UBND thị xã VC phải hoàn trả 109.245.192,77 đồng là số tiền mà ông Trần Văn B1 nhận tiền trực tiếp của Công ty để hỗ trợ bồi hoàn cho 03 hộ dân theo chỉ đạo của UBND thị xã VC. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính nêu trên là đúng pháp luật.

[1.3] Theo quy định tại Khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì khi xem xét Quyết định số 1180/QĐ-UBND, Tòa án đồng thời phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD và Thông báo số 224. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD và Thông báo số 224, với lý do hết thời hiệu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty ĐH.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thị xã VC phải hoàn trả số tiền mà ông Trần Văn B1 nhận tiền trực tiếp của Công ty để hỗ trợ bồi hoàn cho 03 hộ dân theo chỉ đạo của UBND thị xã VC là 109.245.192,77 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu do người khởi kiện rút là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty ĐH đăng ký lần đầu ngày 22/5/2002, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08/12/2003. Ngày 10/12/2002, Công ty ĐH và Sở Địa chính tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) ký hợp đồng thuê đất số: 130/HĐ/TĐ, có nội dung: Công ty ĐH được thuê diện tích 925.400m², thuộc thửa số 1 và 2, tờ bản đồ số 03, tại ấp HK, xã VH, huyện VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian thuê đất là 20 năm (Sau đó, được điều chỉnh là 49 năm) kể từ ngày 01/8/2002, giá thuê đất là: 120.000 đồng/ha/năm, phương thức nộp tiền thuê đất là hàng năm. Ngày 04/7/2013, Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh ra Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty ĐH. Ngày 14/02/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số 224 về việc giải thể Công ty ĐH. Ngày 27/5/2015, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số: 1180/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất đã cho Công ty ĐH thuê.

[2.2] Cơ sở pháp lý để UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số: 1180/QĐ-UBND là do Công ty ĐH đã bị giải thể theo Thông báo số 224 ngày của Phòng Đăng ký kinh doanh. Vì vậy, khi giải quyết phải xem xét Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD có được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Đối với việc thông báo giải thể Công ty ĐH phải thực hiện đúng quy định tại Khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

[3] Từ những nội dung nêu tại mục [1], [2] thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 196/QĐ-PĐKKD và Thông báo số 224 nhưng lại cho rằng Quyết định số: 1180/QĐ-UBND hợp pháp là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tr, bà R, bà C, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Tr, bà C, bà R không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh Tr, bà Trần Thị Kim R, Trương Thị Thu C.

2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm: Tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Trần Thanh Tr, bà Trương Thị Thu C, bà Trần Thị Kim R nộp sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3.2 Án phí phúc thẩm: Ông Trần Thanh Tr, bà Trương Thị Thu C, bà Trần Thị Kim R không phải chịu và mỗi đương sự được trả lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0006318 ngày 13/12/2018; số 0006337 và 0006338 cùng ngày 07/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 26 tháng 9 năm 2019)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Sóc Trăng; (1)
- VKSND tỉnh Sóc Trăng; (1)
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. 14 (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương